

**ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI LÀ THỦY SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TÂN UYÊN NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số _____ /QĐ-UBND ngày _____ /7/2023 của UBND huyện Tân Uyên)

STT	LOẠI CÂY TRỒNG	ĐVT	ĐƠN GIÁ
1	2	3	4
A	NHÓM CÂY ĂN QUẢ		
I	Cây ăn quả chưa cho thu hoạch (Áp dụng cho tất cả các loại cây ăn quả)		
-	Vườn cây ươm + bầu chưa xuất vườn (hỗ trợ di chuyển)	đồng/m ²	96.000
-	Cây trồng bằng hạt năm thứ nhất	đồng/cây	45.100
-	Cây trồng bằng hạt năm thứ hai	đồng/cây	74.900
-	Cây trồng bằng hạt năm thứ ba	đồng/cây	133.200
-	Cây trồng bằng hạt năm thứ tư	đồng/cây	200.600
-	Cây trồng bằng cành chiết, ghép dưới 1 năm	đồng/cây	60.300
-	Cây trồng bằng cành chiết ghép từ 1 đến dưới 2 năm	đồng/cây	102.700
-	Cây trồng bằng cành chiết ghép từ 2 năm đến dưới 3 năm	đồng/cây	205.800
II	Cây ăn quả đã cho thu hoạch		
1	Cây bưởi		
-	Độ phát tán bán kính từ 01m đến dưới 02m	đồng/cây	367.700
-	Độ phát tán bán kính từ 02m đến dưới 04m	đồng/cây	492.700
-	Độ phát tán bán kính từ 04m trở lên	đồng/cây	627.700
2	Cây Nhãn, Vải		-
-	Độ phát tán bán kính từ 01m đến dưới 02m	đồng/cây	436.600
-	Độ phát tán bán kính từ 02m đến dưới 04m	đồng/cây	642.900
-	Độ phát tán bán kính từ 04m trở lên	đồng/cây	917.900
3	Cây Xoài		-
-	Độ phát tán bán kính từ 01m đến dưới 02m	đồng/cây	396.900
-	Độ phát tán bán kính từ 02m đến dưới 04m	đồng/cây	556.900
-	Độ phát tán bán kính từ 04m trở lên	đồng/cây	861.900
4	Cây Ổi		-
-	Độ phát tán bán kính từ 01m đến dưới 02m	đồng/cây	368.200
-	Độ phát tán bán kính từ 02m đến dưới 04m	đồng/cây	496.200
-	Độ phát tán bán kính từ 04m trở lên	đồng/cây	628.200
5	Cây Bơ		-
-	Độ phát tán bán kính từ 01m đến dưới 02m	đồng/Cây	398.500
-	Độ phát tán bán kính từ 02m đến dưới 04m	đồng/Cây	556.000
-	Độ phát tán bán kính từ 04m trở lên	đồng/Cây	863.500
6	Cây Lê		-
-	Độ phát tán bán kính từ 02m đến dưới 04m	đồng/Cây	492.600
-	Độ phát tán bán kính từ 04m trở lên	đồng/Cây	622.600
7	Cây Hồng		-
-	Độ phát tán bán kính từ 01m đến dưới 02m	đồng/Cây	394.000
-	Độ phát tán bán kính từ 02m đến dưới 04m	đồng/Cây	556.500
-	Độ phát tán bán kính từ 04m trở lên	đồng/Cây	860.700

STT	LOẠI CÂY TRỒNG	ĐVT	ĐƠN GIÁ
8	Cây Cam		
-	Độ phát tán bán kính từ 01m đến dưới 02m	đồng/Cây	382.300
-	Độ phát tán bán kính từ 02m đến dưới 04m	đồng/Cây	482.300
-	Độ phát tán bán kính từ 04m trở lên	đồng/Cây	682.300
9	Cây Mít		-
-	Độ phát tán bán kính từ 01m đến dưới 02m	đồng/Cây	226.400
-	Độ phát tán bán kính từ 02m đến dưới 04m	đồng/Cây	398.900
-	Độ phát tán bán kính từ 04m trở lên	đồng/Cây	678.900
10	Cây Đào, Mận		-
-	Độ phát tán bán kính từ 01m đến dưới 02m	đồng/Cây	370.600
-	Độ phát tán bán kính từ 02m đến dưới 04m	đồng/Cây	490.600
-	Độ phát tán bán kính từ 04m trở lên	đồng/Cây	625.600
11	Cây Táo		-
-	Độ phát tán bán kính từ 01m đến dưới 02m	đồng/Cây	368.700
-	Độ phát tán bán kính từ 02m đến dưới 04m	đồng/Cây	491.700
-	Độ phát tán bán kính từ 04m trở lên	đồng/Cây	626.700
12	Cây Vú Sữa		
-	Độ phát tán bán kính từ 01m đến dưới 02m	đồng/Cây	397.100
-	Độ phát tán bán kính từ 02m đến dưới 04m	đồng/Cây	560.300
-	Độ phát tán bán kính từ 04m trở lên	đồng/Cây	864.300
13	Cây Na, Mãng Cầu		
-	Độ phát tán bán kính từ 01m đến dưới 02m	đồng/Cây	394.900
-	Độ phát tán bán kính từ 02m đến dưới 04m	đồng/Cây	558.400
-	Độ phát tán bán kính từ 04m trở lên	đồng/Cây	861.400
III	Cây ăn quả khác		
1	Cây Chuối		-
-	Có buồng	đồng/cây	120.000
-	Chưa có buồng cao dưới 1,2m	đồng/cây	18.000
-	Chưa có buồng cao từ 1,2m trở lên	đồng/cây	24.100
2	Cây Dứa	đồng/khóm	9.600
3	Cây Chanh Leo, nho, nhót		-
-	Cây mới trồng dưới 1 năm	đồng/cây	47.100
-	Đã Leo kín dàn (đã cho thu hoạch)	đồng/m ²	12.400
4	Cây Thanh Long		-
-	Cây trồng năm thứ nhất	đồng/cây	59.600
-	Cây trồng năm thứ hai	đồng/cây	75.200
-	Cây đã cho thu hoạch	đồng/cây	150.000
5	Cây Đu đủ		
-	Cây mới trồng dưới một (01) năm	đồng/Cây	15.100
-	Cây trồng từ một đến hai (1-2) năm chưa cho thu hoạch	đồng/Cây	44.200
-	Cây đã cho thu hoạch	đồng/Cây	144.200
6	Các loại cây ăn quả còn lại		
Các loại cây ăn quả còn lại không có trong đơn giá này thì căn cứ vào thực tế để quy định đơn giá cho phù hợp, đảm bảo tương quan với các loại cây ăn quả cùng loại đã có đơn giá			

STT	LOẠI CÂY TRỒNG	ĐVT	ĐƠN GIÁ
B	NHÓM CÂY CÔNG NGHIỆP		
1	Cây chè		
1.1	Chè Kim tuyên PH8,		
	Năm thứ nhất	đồng/m ²	8.800
	Năm thứ hai	đồng/m ²	11.900
	Năm thứ ba	đồng/m ²	15.500
1.2	Chè Shan		-
	Năm thứ nhất	đồng/m ²	8.500
	Năm thứ hai	đồng/m ²	11.600
	Năm thứ ba	đồng/m ²	15.200
1.3	Cây đã cho thu hoạch từ năm thứ 4 trở lên bằng (=) Sản lượng thực tế nhân (x) với đơn giá thị trường tại thời điểm thu hồi cộng (+) chi phí 3 năm kiến thiết cơ bản trừ (-) chi phí năm thực hiện kiểm kê (tính bằng chi phí năm thứ 3)		
2	Cây Mắc ca		
	Cây trồng năm thứ 1	đồng/cây	145.600
	Cây trồng năm thứ 2	đồng/cây	172.200
	Cây trồng năm thứ 3	đồng/cây	198.800
	Cây trồng năm thứ 4	đồng/cây	283.400
	Cây trồng năm thứ 5	đồng/cây	354.100
	Cây trồng năm thứ 6	đồng/cây	700.500
	Cây trồng năm thứ 7	đồng/cây	1.052.000
	Cây trồng năm thứ 8	đồng/cây	1.264.100
	Cây trồng năm thứ 9	đồng/cây	1.547.000
	Cây trồng đã cho thu hoạch từ năm thứ 10 trở đi	đồng/cây	2.104.100
C	NHÓM CÂY LẤY GỖ		
1	Cây giống ươm bầu chưa đủ tiêu chuẩn xuất vườn thì tính hỗ trợ di chuyển	Đồng/m²	96.000
2	Cây Pơ mu, Xa mộc, Lát, giổi, trám và các loại cây lấy gỗ thuộc nhóm I, II		
	Cây giống ươm bầu chưa đủ tiêu chuẩn xuất vườn thì tính hỗ trợ di chuyển	đồng/m ²	96.000
	Trồng dưới 01 năm	đồng/cây	14.400
	Trồng từ 01 năm đến dưới 02 năm	đồng/cây	30.000
	Trồng từ 02 năm đến dưới 05 năm	đồng/cây	60.000
	Có đường kính từ 05cm đến dưới 10cm	đồng/cây	204.000
	Có đường kính từ 10cm đến dưới 25cm	đồng/cây	300.000
	Có đường kính từ 25cm trở lên tính bằng (=) khối lượng gỗ nhân (x) với đơn giá tại thời điểm (trừ đi giá trị thu hồi nếu có)	đồng/cây	
3	Các loại cây lấy gỗ khác (Xoan đào, Dổi, Dẻ, Thông, Keo...)		
	Cây giống ươm bầu chưa đủ tiêu chuẩn xuất vườn thì tính hỗ trợ di chuyển		96.000
	Trồng dưới 01 năm	đồng/cây	6.000
	Trồng từ 01 năm đến dưới 02 năm	đồng/cây	12.000
	Trồng từ 02 năm đến dưới 05 năm	đồng/cây	24.000
	Có đường kính từ 05cm đến dưới 10cm	đồng/cây	30.000
	Có đường kính từ 10cm đến dưới 25cm	đồng/cây	42.000
	Có đường kính từ 25cm trở lên tính bằng (=) khối lượng gỗ, củi tận dụng nhân (X) với đơn giá tại thời điểm (trừ đi giá trị thu hồi nếu có)		

STT	LOẠI CÂY TRỒNG	ĐVT	ĐƠN GIÁ
4	Đối với rừng tự nhiên, rừng trồng: Thực hiện theo Quyết định 32/2022/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh Lai Châu Quy định khung giá các loại rừng trên địa bàn tỉnh Lai Châu		
D	CÂY TRỒNG KHÁC		
1	Cây Tre		
	Mới trồng dưới một (01) năm	khóm	14.400
	Tre non (măng) < 2m	đồng/cây	12.000
	Cây có đường kính dưới 05cm	đồng/cây	18.000
	Cây có đường kính từ 05cm đến dưới 10cm	đồng/cây	30.000
	Cây có đường kính từ 10cm trở lên	đồng/cây	48.000
2	Cây tre Điền trúc		
	Mới trồng dưới một (01) năm	khóm	14.400
	Chưa trưởng thành (lấy măng)	đồng/cây	30.000
	Đã trưởng thành	đồng/cây	42.000
3	Cây vầu, sặt, Nứa		
	Trồng lẻ	đồng/cây	3.600
	Trồng tập trung	đồng/m ²	72.000
E	HOA, CÂY CẢNH		
1	Mới trồng dưới 03 tháng	đồng/m²	24.000
2	Chưa cho thu hoạch	đồng/m²	36.000
3	Đã được thu hoạch	đồng/m²	48.000
4	Cây trồng theo hàng dài	đồng/m²	84.000
5	Hoa, cây cảnh (các loại) trồng chậu, căn cứ tình hình thực tế để tính hỗ trợ di chuyển	đồng/chậu	24.000
6	Hoa anh đào		-
	Cây mới trồng có đường kính gốc < 4 cm	đồng/cây	22.000
	Có đường kính từ 4cm đến dưới 8cm	đồng/cây	55.000
	Có đường kính từ 8cm đến dưới 10cm	đồng/cây	90.000
	Có đường kính từ 10cm trở lên	đồng/cây	120.000
7	Bàng, Phượng vĩ, Osaca, Hoa ban, Hoa sữa, Trứng cá, Gạo, Lộc Vừng, Đa, Si, Sung, Vả, Móc, Cau vua		
-	Cây mới trồng có đường kính gốc < 5cm	đồng/cây	20.000
-	Có đường kính từ 05cm đến dưới 10cm	đồng/cây	50.000
-	Có đường kính từ 10cm đến dưới 25cm	đồng/cây	100.000
-	Có đường kính từ 25cm trở lên	đồng/cây	150.000
8	Cây Hoa Giấy		-
	Cây non mới trồng có chiều cao < 0,5m	đồng/cây	11.000
	Cây có chiều cao từ ≥ 0,5m đến < 1m	đồng/cây	95.000
	Cây có chiều cao ≥ 1m	đồng/cây	126.000
9	Cây Cau cảnh		-
	Cây mới trồng có đường kính gốc < 5 cm	đồng/cây	41.000
	Có đường kính từ 05cm đến dưới 10cm	đồng/cây	129.000
	Có đường kính từ 10cm đến dưới 15cm	đồng/cây	399.000
	Cây có đường kính gốc từ ≥ 15cm	đồng/cây	735.000
F	NHÓM CÂY DƯỢC LIỆU		-
1	Cây Thảo quả		-
	Mới trồng dưới 02 năm	đồng/khóm	24.000
	Trồng từ 02 năm đến dưới 03 năm	đồng/khóm	72.100
	Trồng từ 03 năm trở lên (cho thu hoạch)	đồng/khóm	192.100

STT	LOẠI CÂY TRỒNG	ĐVT	ĐƠN GIÁ
2	Cây Quế		-
	Mới trồng dưới 02 năm	đồng/cây	10.800
	Trồng từ 02 năm đến dưới 03 năm	đồng/cây	18.000
	Trồng từ 03 năm đến dưới 05 năm	đồng/cây	66.000
	Trồng từ 05 năm trở lên có đường kính >15cm	đồng/cây	120.000
3	Cây Đương quy		-
	Mới trồng từ 1 tháng đến dưới 05 tháng	đồng/m ²	22.000
	Cây trồng từ tháng thứ 5 trở đi đến dưới 12 tháng (chưa cho thu hoạch)	đồng/m ²	30.000
4	Cây Bò kết		-
	Cây giống	đồng/cây	40.000
	Có đường kính từ 5cm đến dưới 10cm	đồng/cây	80.000
	Có đường kính từ 10cm đến dưới 25cm	đồng/cây	180.000
	Có đường kính trên 25cm	đồng/cây	240.000
5	Cây Sa nhân		-
	Chưa cho thu hoạch	đồng/m ²	20.000
	Đã được thu hoạch	đồng/m ²	30.000
6	Cây Chùm ngây		-
-	Cây mới trồng dưới 1 năm (cây từ hạt)	đồng/cây	11.000
	Cây mới trồng dưới 1 năm (cây ghép)	đồng/cây	20.000
	Cây có đường kính gốc từ 05cm đến dưới 10 cm	đồng/cây	50.000
-	Cây có đường kính gốc từ 10cm đến dưới 20 cm	đồng/cây	100.000
7	Cây Vối		-
	Cây mới trồng < 01 năm	đồng/cây	25.000
	Có đường kính từ 05cm đến dưới 10cm	đồng/cây	50.000
	Có đường kính từ 10cm đến dưới 25cm	đồng/cây	100.000
	Có đường kính trên 25cm	đồng/cây	200.000
8	Cây Đinh lăng		-
	Cây mới trồng đến dưới 5 năm	đồng/cây	34.000
	Cây trồng từ 5 năm đến 10 năm	đồng/cây	67.000
	Cây trồng từ 11 năm đến 15 năm	đồng/cây	119.000
	Cây trồng trên 15 năm	đồng/cây	238.000
9	Cây Mắc khén		-
	Cây giống	đồng/cây	40.000
	Có đường kính từ 5cm đến dưới 10cm	đồng/cây	80.000
	Có đường kính từ 10cm đến dưới 25cm	đồng/cây	180.000
	Có đường kính trên 25cm	đồng/cây	240.000
10	Cây Dược liệu khác		-
	Mới trồng	đồng/m ²	14.400
	Chưa cho thu hoạch	đồng/m ²	22.800
	Đã cho thu hoạch	đồng/m ²	54.000
11	Cây giống ươm bầu chưa đủ tiêu chuẩn xuất vườn (hỗ trợ di chuyển)	đồng/m²	96.000
G	CÂY TRỒNG HÀNG NĂM		-
Mức bồi thường được tính bằng giá trị sản lượng của vụ thu hoạch. Giá trị sản lượng của vụ thu hoạch được tính theo năng suất của vụ cao nhất trong 3 năm trước liền kề của cây trồng chính tại địa phương và giá trung bình tại thời điểm thu hồi đất.			

STT	LOẠI CÂY TRỒNG	ĐVT	ĐƠN GIÁ
H	VẬT NUÔI THỦY SẢN		
1	<p>- Đối với vật nuôi là thủy sản mà tại thời điểm thu hồi đất chưa đến thời kỳ thu hoạch thì được bồi thường thiệt hại thực tế do phải thu hoạch sớm. Trường hợp có thể di chuyển được thì được bồi thường chi phí di chuyển và thiệt hại do di chuyển gây ra, mức bồi thường bằng 80% giá trị bồi thường.</p> <p>- Trường hợp thu hồi một phần diện tích đất nuôi trồng thủy sản mà làm ảnh hưởng đến diện tích nuôi trồng còn lại thì được bồi thường sản lượng hiện có cho toàn bộ diện tích đất nuôi trồng thủy sản đó. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường có trách nhiệm kiểm tra thực tế và phải có xác nhận của UBND cấp xã nơi thu hồi đất về mức độ ảnh hưởng”.</p>	đồng/m ²	
2	Sản lượng bồi thường đối với ao nuôi hỗn hợp. Giá trị bồi thường bằng sản lượng nhân (X) với đơn giá tại thời điểm bồi thường	đồng/m ²	-
3	Ao ương cá giống	đồng/m ²	36.000

Ghi chú: Trên cùng một diện tích đất trồng nhiều tầng cây, nhiều loại cây, thì tính toán bồi thường theo số cây thực tế tại thời điểm kê khai, kiểm đếm, không tính cây trồng xen, cây trồng chính. Một loại cây trồng, vật nuôi nếu đáp ứng cả hai tiêu chí bồi thường thì áp dụng tiêu chí có đơn giá cao hơn.